

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1418/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2013

SỞ QUY HOẠCH KIẾN TRÚC TP	
ĐẾN	Số: 3407/13/QĐ
	Ngày: 9/4/2013

QUYẾT ĐỊNH

Về duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị
(quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường 7, quận Gò Vấp

MC: *anh Tuấn*
TT. TS 1/2000
Phân hoạch 2 → 2 khu vực
đề xuất 1/2000, quy hoạch 1/2000
10/4/2013
me

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 24/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về điều chỉnh quy hoạch đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 6705/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận Gò Vấp;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 513/TTr-SQHKT ngày 21 tháng 02 năm 2013 về trình duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường 7, quận Gò Vấp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường 7, quận Gò Vấp, với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí, diện tích và phạm vi ranh giới khu vực quy hoạch:

- Vị trí khu vực quy hoạch: thuộc phường 7, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

- Giới hạn khu vực quy hoạch như sau:

+ Phía Đông Bắc : giáp đường Dương Quang Hàm.

+ Phía Tây - Bắc : giáp đường Phạm Huy Thông.

+ Phía Đông - Nam : giáp đường Nguyễn Thái Sơn và Lý Thường Kiệt.

+ Phía Tây - Nam : giáp đường Nguyễn Oanh và đường Phạm Ngũ Lão.

- Tổng diện tích khu vực quy hoạch: 97,36 ha.

2. Cơ quan tổ chức lập đồ án quy hoạch phân khu: Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình quận Gò Vấp.

3. Đơn vị tư vấn lập đồ án quy hoạch phân khu: Công ty TNHH Xây dựng - Kiến trúc Miền Nam.

4. Danh mục hồ sơ, bản vẽ đồ án quy hoạch phân khu:

- Thuyết minh tổng hợp;

- Thành phần bản vẽ bao gồm:

+ Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, tỷ lệ 1/10.000.

+ Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng, tỷ lệ 1/2000.

+ Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường, tỷ lệ 1/2000, bao gồm:

* Bản đồ hiện trạng hệ thống giao thông.

* Bản đồ hiện trạng cao độ nền và thoát nước mặt.

* Bản đồ hiện trạng hệ thống cấp điện và chiếu sáng.

* Bản đồ hiện trạng hệ thống cấp nước.

* Bản đồ hiện trạng hệ thống thoát nước thải, xử lý chất thải rắn.

* Bản đồ hiện trạng hệ thống thông tin liên lạc.

+ Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/2000.

+ Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, tỷ lệ 1/2000.

+ Bản đồ quy hoạch giao thông, Bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, tỷ lệ 1/2000.

+ Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác và môi trường, tỷ lệ 1/2000, bao gồm:

- * Bản đồ quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt;
 - * Bản đồ quy hoạch cấp điện và chiếu sáng;
 - * Bản đồ quy hoạch cấp nước;
 - * Bản đồ thoát nước thải và xử lý chất thải rắn;
 - * Bản đồ quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc.
- + Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật.

5. Dự báo quy mô dân số, các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị toàn khu vực quy hoạch:

5.1. Dự báo quy mô dân số trong khu vực quy hoạch: tính đến năm 2015 là 32.500 người.

5.2. Các chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị toàn khu vực quy hoạch:

STT	Loại chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
A	Chỉ tiêu sử dụng đất toàn khu	m ² /người	50,90
B	Chỉ tiêu sử dụng đất đơn vị ở trung bình toàn khu	m ² /người	23,44
C	Các chỉ tiêu sử dụng đất trong các đơn vị ở		
	- Đất nhóm nhà ở hiện hữu ổn định	m ² /người	12,08
	- Đất nhóm nhà ở trong khu vực xây dựng mới. Trong đó:		
	+ Đất nhóm nhà ở thấp tầng.	m ² /người	1,97
	+ Đất nhóm nhà ở trong khu đất quốc phòng chuyển đổi (khu A - Z751)	m ² /người	0,61
	- Đất công trình dịch vụ đô thị cấp đơn vị ở	m ² /người	0,76
	Trong đó:		
	+ Đất công trình giáo dục	m ² /người	0,38
	+ Trạm y tế	m ² /người	0,003
	+ Chợ, thương mại - dịch vụ	m ² /người	0,34
	+ Hành chính cấp phường	m ²	0,03
	- Đất cây xanh sử dụng công cộng (không kể 1 m ² /người đất cây xanh trong nhóm nhà ở)	m ² /người	0,42
	- Đất đường giao thông cấp phân khu vực	km/km ²	8,23

D	Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật đô thị			
	Đất giao thông bố trí đến mạng lưới đường khu vực (tính đến đường phân khu vực), kể cả giao thông tỉnh	%	21,46	
	Tiêu chuẩn cấp nước	lít/người/ngày	180	
	Tiêu chuẩn thoát nước	lít/người/ngày	180	
	Tiêu chuẩn cấp điện	kwh/người/năm	2100	
	Tiêu chuẩn rác thải, chất thải	kg/người/ngày	1,2	
E	Các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị toàn khu			
	Mật độ xây dựng	%		
	- Khu dân cư hiện hữu	%	40	
	- Khu dân cư phát triển	%	60 - 80	
	- Công trình công cộng	%	45	
	Hệ số sử dụng đất	lần	1,5	
	Tầng cao xây dựng	Tối đa	tầng	5 (*)
		Tối thiểu	tầng	1

- Ghi chú:

+ Số tầng cao xây dựng bao gồm các tầng theo Thông tư số 33/2009/TT-BXD ngày 30 tháng 9 năm 2009 của Bộ Xây dựng (không kể tầng lửng và mái che cầu thang).

+ (*) Khu vực phường 7 nằm trong phễu bay của sân bay Tân Sơn Nhất. Do đó, tùy theo vị trí, quy mô diện tích khu đất, chức năng công trình và tổ chức không gian kiến trúc tại khu vực, có thể xây dựng công trình với tầng cao tối đa hơn 05 tầng nhưng cần phải tuân thủ Nghị định số 20/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam.

- Chỉ tiêu sử dụng đất giáo dục cần có giải pháp thực hiện tại từng thời điểm trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện đồ án để phù hợp Quyết định số 02/2003/QĐ-UB ngày 03 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt quy hoạch phát triển mạng lưới trường học ngành giáo dục và đào tạo thành phố đến năm 2020 và Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam QCVN 01: 2008/BXD của Bộ Xây dựng (chỉ tiêu sử dụng đất giáo dục trong đơn vị ở cần phải đạt tối thiểu 2,7 m²/người/đơn vị ở).

- Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cần thường xuyên rà soát tính khả thi của đồ án để có giải pháp thích hợp tại từng thời điểm trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện đồ án, nhằm từng bước cải thiện các chỉ tiêu sử dụng đất cho phù hợp.

6. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất:

6.1. Các khu chức năng trong khu vực quy hoạch:

Phường 7, quận Gò Vấp được xác định là khu dân cư hiện hữu kết hợp chỉnh trang đô thị và các khu đất sử dụng hỗn hợp. Dựa trên trục đường chính là đường Phan Văn Trị xuyên qua khu vực quy hoạch, toàn khu vực quy hoạch được phân chia làm 02 đơn vị ở (ký hiệu 02 khu) và các khu chức năng cấp đô thị nằm ngoài đơn vị ở, được xác định như sau:

6.1.1. Các đơn vị ở:

- Đơn vị ở 1 (Khu I): giới hạn bởi:

+ Phía Đông - Bắc : giáp đường Phan Văn Trị.

+ Phía Đông - Nam: giáp đường Nguyễn Thái Sơn và đường Lý Thường Kiệt.

+ Phía Tây - Nam : giáp đường Phan Văn Trị.

+ Phía Tây - Nam : giáp đường Phạm Ngũ Lão và đường Nguyễn Oanh.

Tổng diện tích là 48,52 ha, dân số khoảng 19.470 người. Với giải pháp bố cục phân khu chức năng chủ yếu là khu dân cư hiện hữu cải tạo và đất sử dụng hỗn hợp từ đất quốc phòng chuyển đổi.

- Đơn vị ở 2 (Khu II): giới hạn bởi:

+ Phía Đông - Bắc : giáp đường Dương Quảng Hàm.

+ Phía Đông - Nam : giáp đường Nguyễn Thái Sơn.

+ Phía Tây - Nam : giáp đường Phan Văn Trị.

+ Phía Tây - Bắc : giáp đường Phạm Huy Thông.

Tổng diện tích là 48,84 ha, dân số khoảng 13.030 người. Với giải pháp bố cục phân khu chức năng chủ yếu là khu dân cư hiện hữu cải tạo, đất quốc phòng hiện hữu và một phần khu dân cư xây dựng mới từ đất quốc phòng chuyển đổi (Khu C của Xí nghiệp Liên hiệp Z751).

6.1.2. Các khu chức năng thuộc các đơn vị ở (có đan xen các khu chức năng ngoài đơn vị ở), bao gồm:

a) Các khu chức năng thuộc các đơn vị ở: (tổng diện tích các đơn vị ở: 76,17ha)

a.1. Các khu chức năng xây dựng nhà ở (nhóm nhà ở): tổng diện tích khoảng 41,15 ha - 47,65 ha).

- Các khu nhà ở hiện hữu cải tạo: quy mô khoảng 39,26 ha, chiếm 40,32% diện tích toàn khu; nâng cấp chỉnh trang các khu nhà ở hiện hữu có kết hợp cải tạo mở rộng các tuyến đường song song với việc nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật, với:

+ Mật độ xây dựng toàn khu: 40 - 60 %.

+ Tầng cao xây dựng: từ 2 - 5 tầng. Do khu vực có phần diện tích thuộc phễu bay Tân Sơn Nhất nên chiều cao tầng cần căn cứ theo Nghị định số 20/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ.

(đối với từng trường hợp cụ thể sẽ được xem xét theo các quy định quản lý kiến trúc hiện hành nhưng không vượt quá 05 tầng).

- Các nhóm nhà ở xây dựng mới: quy mô khoảng 6,39 ha, chiếm 6,56 % diện tích toàn khu; xây dựng một số khu nhà ở mới với:

+ Mật độ xây dựng toàn khu: 40 - 50 %.

+ Tầng cao xây dựng: tối đa 5 tầng. Do khu vực có phần diện tích thuộc phễu bay Tân Sơn Nhất nên chiều cao tầng cần căn cứ theo Nghị định số 20/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ.

- Các nhóm nhà ở xây mới trong khu sử dụng hỗn hợp (Khu A Xí nghiệp Liên hiệp Z751): là khu vực đất quốc phòng chuyển đổi sang đất dân dụng, quy mô diện tích khoảng: 1,5 - 2 ha, chiếm tỷ lệ 19,03 - 25,7 % diện tích đất khu sử dụng hỗn hợp (khoảng 7,7774 ha).

+ Mật độ xây dựng toàn khu: 35%

+ Tầng cao xây dựng: tối đa 3 tầng. Do khu vực có phần diện tích thuộc phễu bay Tân Sơn Nhất nên chiều cao tầng cần căn cứ theo Nghị định số 20/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ.

a.2. Khu chức năng dịch vụ đô thị cấp đơn vị ở: tổng diện tích khoảng 2,48 ha, bao gồm:

- Khu chức năng giáo dục: tổng diện tích 1,24 ha, chiếm khoảng 1,27% diện tích toàn khu, cần đổi quy mô diện tích để đảm bảo phục vụ nhu cầu phục vụ tại phường, gồm:

+ Trường mầm non: 0,36 ha.

* Hiện hữu cải tạo : 0,04 ha (trường mầm non Sơn Ca hiện hữu và trường mẫu giáo hiện hữu).

* Xây dựng mới : 0,1 ha.

+ Trường tiểu học: 0,75 ha; gồm:

* Hiện hữu cải tạo : 0,15 ha (trường tiểu học Trần Quốc Toàn cơ sở 1 hiện hữu và trường tiểu học Trần Quốc Toàn cơ sở 2 hiện hữu).

* Xây dựng mới : 0,6 ha.

+ Trường trung học cơ sở: 0,13 ha; gồm:

* Hiện hữu cải tạo : 0,13 ha (trường trung học cơ sở Gò Vấp 2 hiện hữu).

- Khu chức năng trung tâm hành chính cấp phường: tổng diện tích 0,11 ha.

* Hiện hữu cải tạo : 0,11 ha (Ủy ban nhân dân phường 7 và Công an phường 7 hiện hữu).

- Khu chức năng y tế (trạm y tế): diện tích 0,01 ha.

* Hiện hữu cải tạo : 0,01 ha, gồm trạm y tế phường 7 hiện hữu (0,01 ha).

- Khu chức năng văn hóa (điểm sinh hoạt văn hóa): phường 7 sử dụng chung nhà văn hóa liên phường 5 - 6 - 7 và 17 tại phường 6, quận Gò Vấp.

- Khu chức năng dịch vụ, thương mại, chợ: tổng diện tích 1,12 ha.

Trong đó:

* Hiện hữu cải tạo: 0,62 ha, gồm: công trình thương mại của Văn phòng Thành ủy (0,16 ha), trạm xăng dầu hiện hữu (0,12 ha), và trung tâm dịch vụ hàng hải Phương Nam (0,34 ha).

* Xây dựng mới: 0,5 ha, gồm: khu thương mại dự kiến (0,02 ha).

Ngoài ra, dự kiến quy hoạch đất thương mại dịch vụ tại các khu đất quốc phòng chuyển đổi và các khu đất dự kiến sử dụng hỗn hợp,... nhằm đảm bảo định hướng phát triển và phục vụ cho các khu vực dân cư.

a.3. Khu chức năng cây xanh sử dụng công cộng (vườn hoa, sân chơi): tổng diện tích 1,37 ha.

a.4. Mạng lưới đường giao thông cấp phân khu vực: tổng diện tích 20,89ha.

b) Các khu chức năng ngoài đơn vị ở nằm đan xen trong đơn vị ở: tổng diện tích 21,19 ha

b.1. Khu chức năng dịch vụ đô thị (cấp đô thị): tổng diện tích 0,55 ha.

Trong đó:

+ Trung tâm y tế dự phòng quận Gò Vấp hiện hữu : 0,06 ha.

+ Bệnh viện Vũ Anh hiện hữu (thuộc đất ngoài đơn vị ở) : 0,18 ha.

+ Phòng cảnh sát phòng cháy chữa cháy quận Gò Vấp hiện hữu: 0,09 ha.

+ Chi cục thuế quận Gò Vấp hiện hữu : 0,07 ha.

+ Phòng Công chứng Nhà nước hiện hữu : 0,09 ha.

+ Nhà truyền thống quận Gò Vấp hiện hữu : 0,06 ha.

b.2. Mạng lưới đường giao thông đối ngoại: tính đến mạng lưới đường khu vực (từ đường khu vực trở lên: trên mặt đất, trên cao, ngầm, đường sắt, đường thủy): diện tích 2,14 ha.

b.3. Khu công trình tôn giáo: diện tích 0,72 ha.

Các công trình tôn giáo được giữ lại theo hiện trạng và trùng tu, gồm: Đình Hạnh Thông (quy mô diện tích 0,11 ha), Nhà thờ xứ Giuse (quy mô diện tích 0,06 ha), Chùa Long Huệ (quy mô diện tích 0,25 ha), Quán Tân Hội quán (công trình tôn giáo của người Việt gốc Hoa, quy mô diện tích 0,11 ha), Miếu Bản Thọ (quy mô diện tích 0,06 ha), Chùa Sắc Tứ Trường Thọ (quy mô diện tích 0,13 ha).

b.4. Các cơ sở kinh tế, công nghiệp, kho tàng: Di dời các cơ sở sản xuất hiện hữu trong danh mục phải di dời vào các cụm, khu công nghiệp tập trung ở ngoại thành. Các xí nghiệp công nghiệp chủ yếu hoạt động trên đất quốc phòng.

b.5. Khu quốc phòng - an ninh: diện tích 15,78 ha, gồm các khu đất Tiểu đoàn 907 và Binh chủng hóa học, các công ty thuộc Bộ Quốc phòng, Công ty Thanh Bình - Bộ Quốc phòng, Công ty Đông Hải - Bộ Quốc phòng, Kho J250 - Cục quản lý xe máy - Bộ Quốc phòng,...

6.2. Cơ cấu sử dụng đất toàn khu vực quy hoạch:

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
A	Đất đơn vị ở	76,17	78,23
1	Đất các nhóm nhà ở	47,65	48,93
	- Đất các nhóm nhà ở hiện hữu cải tạo	39,26	40,32
	- Đất các nhóm nhà ở dự kiến xây dựng mới	6,39	6,56
	+ Đất nhóm nhà ở trong khu đất quốc phòng chuyển đổi (khu A- Z751)	2,0	2,05
2	Đất công trình dịch vụ đô thị cấp đơn vị ở	2,48	2,55
	- Đất giáo dục	1,24	1,27
	+ Trường mầm non	0,36	0,37
	+ Trường tiểu học	0,75	0,77
	+ Trường trung học cơ sở	0,13	0,14
	- Đất hành chính	0,11	0,11
	- Đất y tế (trạm y tế)	0,01	0,01
	- Đất dịch vụ - thương mại, dịch vụ	1,12	1,15
3	Đất cây xanh sử dụng công cộng (kể cả đất cây xanh sử dụng công cộng trong nhóm ở)	1,37	1,41
4	Đất giao thông đối nội (bao gồm từ đường cấp phân khu vực đến đường nhóm nhà ở)	20,89	21,46
5	Đất thương mại, dịch vụ, văn phòng, cây xanh, giao thông trong khu quốc phòng chuyển đổi chức năng	3,78	3,88
B	Đất ngoài đơn vị ở	21,19	21,77
1	Đất công trình dịch vụ cấp đô thị	0,55	0,56
2	Đất giao thông đối ngoại (tính đến mạng đường lưới đường khu vực)	2,14	2,2
3	Đất an ninh quốc phòng	15,78	16,21
4	Đất công nghiệp sạch kỹ thuật cao trong khu đất quốc phòng chuyển đổi (khu A - Z751)	2,0	2,06
5	Đất công trình tôn giáo	0,72	0,74
Tổng cộng		97,36	100

6.3. Cơ cấu sử dụng đất và các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị trong các đơn vị ở:

Đơn vị ở	Cơ cấu sử dụng đất		Chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị				
	Loại đất	Diện tích (m ²)	Chỉ tiêu sử dụng đất (m ² /người)	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Tầng cao (tầng)		Hệ số sử dụng đất tối đa (lần)
					Tối thiểu	Tối đa	
Đơn vị ở 1 (diện tích: 485.200m ² ; dự báo quy mô dân số: 19.470 người)	1. Đất đơn vị ở	447.200	22,97				
	1.1. Đất nhóm nhà ở	311.400	15,99				
	- Đất nhóm nhà ở hiện hữu cải tạo, chỉnh trang	291.400	14,97	70	1	5	3,5
	- Đất nhóm nhà ở trong khu quân đội chuyển đổi chức năng	20.000	1,03	50	1	3	1,5
	1.2. Đất công trình dịch vụ đô thị	12.200	0,62				
	- Đất giáo dục	3.200	0,15				
	+ Trường mầm non	400					
	• Hiện hữu cải tạo: Trường mầm non Sơn Ca	400		60	2	2(*)	1,2
	+ Trường Tiểu học	1.500					
	Hiện hữu cải tạo :						
	• Trường tiểu học Trần Quốc Toàn cơ sở 1	900		60	2	4	2,4
	• Trường tiểu học Trần Quốc Toàn cơ sở 2	600		60	2	4	2,4
	+ Trường Trung học cơ sở	1.300					
	Hiện hữu cải tạo :						
	• Trường trung học cơ sở Gò Vấp 2	1.300		60	2	4	2,4
	- Đất hành chính	1.100					
	+ Ủy ban nhân dân và công an phường 7 hiện hữu	1.100		60	2	4	2,4
	- Đất dịch vụ, thương mại	7.800					
	+ Trạm xăng dầu hiện hữu cải tạo	1.200		40			
	+ Đất dịch vụ thương mại dự kiến xây dựng mới	5.000		40	2	5	2,0
+ Công trình thương mại (Văn phòng Thành ủy)	1.600						
- Đất y tế: trạm y tế	100		90	2	3	2,7	

1.3. Đất cây xanh sử dụng công cộng	0					
1.4. Đất giao thông, bãi đậu xe	85.800					
- Đất giao thông (tính đến đường khu vực).	-	7,47 km/km ²				
- Đất giao thông (tính đến đường cấp phân khu vực).	85.800	4,41 m ² / người	Kể cả giao thông trong khu đất sử dụng hỗn hợp			
1.5. Đất thương mại, dịch vụ, văn phòng, cây xanh, giao thông trong khu đất quốc phòng chuyển đổi	37.800	1,94	50	1	3	1,5
2. Đất ngoài đơn vị ở	38.000					
2.1. Đất công trình dịch vụ đô thị	3.700					
+ Đất hành chính (hiện hữu cải tạo)	2.500					
• Phòng cảnh sát phòng cháy chữa cháy quận Gò Vấp	900		60	1	4	2,4
• Phòng Công chứng Nhà nước	900		60	1	4	2,4
• Chi cục thuế quận	700		60	1	4	2,4
- Đất y tế						
• Trung tâm y tế dự phòng hiện hữu	600		60	2	4	2,4
- Đất văn hóa						
• Nhà truyền thống quận Gò Vấp	600		60	2	4	2,4
- Đất công trình tôn giáo hiện hữu	7.200					
• Đình Hạnh Thông	1.100					
• Nhà thờ Giuse	600					
• Chùa Long Huệ	2.500					
• Quán Tân Hội quán	1.100					
• Miếu Bồn Thọ	600					
• Chùa Sắc Tứ Trường Thọ	1.300					
2.1. Đất an ninh quốc phòng	7.100					
2.2. Đất công nghiệp sạch kỹ thuật cao trong khu quân đội chuyển đổi chức năng	20.000					
2.3. Đất giao thông đối ngoại	0					

Đơn vị ở 2 (diện tích: 488.400 m ² ; dự báo quy mô dân số: 13.030 người)	1. Đất đơn vị ở	314.500	24,14				
	1.1. Đất nhóm nhà ở	165.100	12,67				
	- Đất nhóm nhà ở hiện hữu cải tạo, chỉnh trang	101.200	7,77	70	1	5	3,0
	- Đất nhóm nhà ở xây dựng mới	63.900	4,9	55	2	5	3,0
	1.2. Đất công trình dịch vụ đô thị	12.600	0,97				
	- Đất giáo dục	9.200	0,70				
	+ Trường mầm non hiện hữu	2.200		60	1	2 (*)	1,2
	+ Trường mầm non xây dựng mới	1.000		40	1	2 (*)	0,8
	+ Trường tiểu học xây dựng mới	6.000		40	1	3	1,2
	- Đất dịch vụ thương mại (xây dựng mới)	3.400					
	+ Trung tâm dịch vụ hàng hải Phương Nam	3.400	0,26	60	1	5	3,0
	1.3. Đất cây xanh sử dụng công cộng	13.700					
	- Đất cây xanh sử dụng công cộng (khu ở)	13.700		5	-	-	-
	1.4. Đất giao thông, bãi đậu xe	123.100					
	- Đất giao thông (tính đến đường khu vực)	-	9,02 km/km ²				
	- Đất giao thông (tính đến đường cấp phân khu vực)	123.100	9,45 m ² / người				
	2. Đất ngoài đơn vị ở	173.900					
	2.1. Đất công trình dịch vụ đô thị	1.800					
	- Đất y tế: Bệnh viện Vũ Anh hiện hữu	1.800		40	2	5	2
	2.3. Đất giao thông đối ngoại (từ đường khu vực trở lên, đường trên cao, metro)	21.400					
2.4. Đất quân đội quản lý	150.700						

Chú thích (*): Trong trường hợp thiết kế 03 tầng, cần phải đảm bảo an toàn và thuận tiện cho sinh hoạt của trẻ cũng như yêu cầu đưa đón trẻ hằng ngày và thoát nạn khi có sự cố. Trong trường hợp này, phương án thiết kế phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép (tầng 03 không bố trí lớp học).

Cơ cấu sử dụng đất sử dụng tại khu đất quốc phòng chuyển đổi chức năng - Khu A-Z751 (Căn cứ theo Quyết định số 1823/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500 Khu A - Xí nghiệp Liên hiệp Z751, phường 7, quận Gò Vấp).

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nhóm nhà ở	1,5 - 2	19,3 - 25,7
2	Đất thương mại, dịch vụ, văn phòng	2 - 2,5	25,7 - 32,1
3	Đất cây xanh	0,3 - 0,6	3,85 - 7,7
4	Đất giao thông sân bãi	1,5 - 2	19,3 - 25,7
5	Đất công nghiệp sạch kỹ thuật cao	1,5 - 2	19,3 - 25,7
	Tổng cộng	7,7774	100

7. Tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị:

- Do địa bàn phường 7 có phần lớn diện tích thuộc giới hạn phạm vi tính không sân bay Tân Sơn Nhất nên toàn bộ công trình nhà ở hay dịch vụ công cộng, kể cả trên các trục đường lớn là các công trình thấp tầng. Khu vực phía Nam đường Phan Văn Trị là khu dân cư hiện hữu và khu đất quốc phòng chuyển đổi, dự kiến quy hoạch khu đất sử dụng hỗn hợp. Khu vực phía Bắc đường Phan Văn Trị là khu dân cư hiện hữu (khu Căn cứ 26 cũ), khu đất quốc phòng hiện hữu và khu dân cư xây dựng mới được hình thành chủ yếu từ đất quốc phòng chuyển đổi (như khu A- Xí nghiệp Liên hiệp Z751 và khu C-Z751).

+ Đối với các khu vực hiện hữu ổn định được áp dụng các quy định về quản lý kiến trúc đô thị (như Quyết định số 135/2007/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2007 và Quyết định bổ sung số 45/2009/QĐ-UBND ngày 03 ngày 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố).

+ Đối với các khu vực phát triển xây dựng mới: gồm các khu dự án nhà ở của Khu C - Xí nghiệp Liên hiệp Z751, Khu nhà ở quân đội K26 của Bộ Quốc phòng (chung cư), Khu chung cư quân đội Xí nghiệp Liên hiệp Ba Sơn, Khu gia đình quân đội Binh đoàn 15 (dự án nhà ở liên kế), khu A - Xí nghiệp Liên hiệp Z751: áp dụng theo quy định quản lý của các dự án.

- Giải pháp xác định tầng cao xây dựng công trình cho từng ô phố; nguyên tắc xác định khoảng lùi các công trình đối với các trục đường: Đối với tầng cao công trình cho từng khu đất, lô đất sẽ được xem xét cụ thể theo định hướng thiết kế đô thị hoặc quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị tại khu vực được phê duyệt và các quy định hiện hành về quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị. Các khoảng lùi công trình được căn cứ theo quy định hiện hành.

8. Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị:

8.1. Quy hoạch giao thông đô thị:

- Về quy hoạch mạng lưới giao thông: Mạng đường phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận Gò Vấp được duyệt. Tổ chức giao thông theo hướng cải tạo mở rộng lộ giới theo đúng quy định, kết hợp xây mới một số tuyến đường, tạo thành mạng lưới đường hoàn chỉnh.

- Về quy hoạch các tuyến giao thông đối ngoại: căn cứ đồ án điều chỉnh quy hoạch chung quận Gò Vấp, trục đường Dương Quảng Hàm (lộ giới 40m) là tuyến đường giao thông đối ngoại của phường. Đoạn đường Dương Quảng Hàm của phường 7 được xác định thuộc trục động lực phát triển đô thị (thuộc tuyến đường Dương Quảng Hàm - đường Phạm Văn Chiêu - đường Lê Đức Thọ), nối quận Bình Thạnh qua quận Gò Vấp đến quận 12.

- Về giao thông đối nội: Các trục đường Nguyễn Oanh, đường Phan Văn Trị là các tuyến giao thông chính của khu quy hoạch.

- Lộ giới các tuyến đường theo Quyết định số 6982/QĐ-UB-QLĐT ngày 30 tháng 9 năm 1995 và Quyết định số 4963/QĐ-UB-QLĐT ngày 30 tháng 8 năm 1999 của Ủy ban nhân dân thành phố:

STT	Tên đường	Đoạn từ	Đến	Lộ giới (mét)	Chiều rộng (mét)			Ký hiệu mặt cắt
					Via hè trái	Mặt đường	Via hè phải	
Giao thông đối nội								
1	Một phần đường Nguyễn Oanh	Đường Trần Thị Nghĩ	Đường Phạm Huy Thông	40	8,5	23	8,5	VII - VII
2	Đường Phan Văn Trị	Đường Nguyễn Thái Sơn	Đường Phạm Huy Thông	30	6	18	6	VI - VI
3	Một phần đường Phạm Huy Thông	Đường Phan Văn Trị	Đường Dương Quảng Hàm	27-37	3	7-(2)-a-(2)-7	3	VIII - VIII
4	Một phần đường Nguyễn Thái Sơn	Đường Nguyễn Văn Nghi	Đường Dương Quảng Hàm	25	5	15	5	V - V
5	Đường Nguyễn Văn Nghi	Đường Nguyễn Thái Sơn	Vòng xoay ngã 6 Gò Vấp	25	5	15	5	V - V
6	Đường Nguyễn Huy Điển	Đường Phan Văn Trị	Đường Phạm Huy Thông	25	5	15	5	V - V
7	Một phần đường Phạm Ngũ Lão	Đường Lý Thường Kiệt	Vòng xoay Ngã sáu Gò Vấp	20	4,75	10,5	4,75	IV - IV
8	Đường Trần Thị Nghĩ	Vòng xoay Ngã sáu Gò Vấp	Đường Phan Văn Trị	20	4,75	10,5	4,75	IV - IV
9	Đường số 8	Đường số 7	Đường Nguyễn Huy Điển	20	4,75	10,5	4,75	IV - IV

10	Đường số 9	Đường số 5	Vòng quay đầu xe	18	5	8	5	III-III
11	Đường Nguyễn Du	Đường Nguyễn Văn Nghi	Đường Phan Văn Trị	16	4,5	7	4,5	IIB-IIB
12	Đường số 5	Đường Phan Văn Trị	Đường Dương Quảng Hàm	16	4	8	4	IIA-IIA
13	Đường số 7	Đường Phan Văn Trị	Đường Dương Quảng Hàm	16	4	8	4	IIA-IIA
14	Đường số 2	Đường Nguyễn Văn Nghi	Đường Phan Văn Trị	12	3	6	3	I-I
15	Đường số 3	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Văn Nghi	12	3	6	3	I-I
16	Đường số 4	Đường Nguyễn Huy Điển	Đường Dương Quảng Hàm	12	3	6	3	I-I
17	Đường số 6	Đường Phan Văn Trị	Đường số 8	12	3	6	3	I-I
18	Đường Tú Mỡ	Đường Nguyễn Du	Đường Phan Văn Trị	12	3	6	3	I-I
19	Một phần đường Lý Thường Kiệt	Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Nguyễn Văn Nghi	12	3	6	3	I-I
Giao thông đối ngoại								
20	Một phần đường Dương Quảng Hàm	Đường Nguyễn Thái Sơn	Đường Phạm Huy Thông	40	8,5	23	8,5	VII - VII

* Ghi chú: việc thể hiện tọa độ mốc thiết kế để tạo điều kiện thuận lợi cho việc công bố quy hoạch và cắm mốc giới xây dựng ngoài thực địa nhằm phục vụ công tác quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp và đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm về tính chính xác các số liệu này.

8.2. Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt đô thị:

a) Quy hoạch chiều cao:

- Áp dụng giải pháp san đắp cục bộ và hoàn thiện mặt phủ khi xây dựng công trình theo nguyên tắc bám sát cao độ nền hiện hữu của khu vực.

- Cao độ thiết kế tại các điểm giao cắt đường được xác định đảm bảo điều kiện kỹ thuật tổ chức giao thông và thoát nước mặt cho khu đất, đồng thời phù hợp với khu vực xung quanh; với giá trị thấp nhất là 2,30m (theo hệ cao độ Hòn Dấu).

- Cao độ thiết kế tại các điểm giao cắt đường được xác định đảm bảo điều kiện kỹ thuật tổ chức giao thông và thoát nước mặt cho khu đất.

- Độ dốc nền thiết kế: khu công trình công cộng, khu ở $\geq 0,4\%$; khu công viên cây xanh $\geq 0,3\%$.

- Hướng đổ dốc: từ phía Nam về phía Bắc và Đông Bắc.

b) Quy hoạch thoát nước mặt:

- Tổ chức hệ thống thoát chung giữa nước bản và nước mưa.
- Tổ chức tuyến cống chính theo định hướng quy hoạch chung, cống 2(2500 x 2500) trên đường Phạm Huy Thông, cống 2(2500 x 2200) dọc đường Nguyễn Oanh, cống 2000 x 2000 dọc đường Nguyễn Thái Sơn.
- Nguồn thoát nước: tập trung theo các cống chính, đổ ra các rạch nhánh gần nhất, về phía Bắc ra mương đất (mương Z751), về phía Đông Bắc ra sông Bến Cát.
- Cống thoát nước mưa quy hoạch đặt ngầm, bố trí dọc theo vỉa hè các trục đường giao thông trong khu vực; kích thước cống tính theo chu kỳ tràn cống $T = 3$ năm (cống cấp 2) và $T = 2$ năm (cống cấp 3, cấp 4), kích thước cống thay đổi từ $\varnothing 600\text{mm}$ đến $\varnothing 1200\text{mm}$.
- Nối cống theo nguyên tắc ngang đỉnh, độ sâu chôn cống tối thiểu 0,70m; độ dốc cống tối thiểu được lấy đảm bảo khả năng tự làm sạch cống $i = 1/D$.

8.3. Quy hoạch cấp năng lượng và chiếu sáng đô thị:

- Chỉ tiêu cấp điện: 2100 KWh/người/năm.
- Nguồn điện được cấp từ trạm 110/15-22KV Hòa Xa.
- Cải tạo các trạm biến áp 15/0,4KV hiện hữu, tháo dỡ các trạm ngoài trời, có công suất thấp, vị trí không phù hợp với quy hoạch.
- Xây dựng mới các trạm biến áp 15-22/0,4KV, sử dụng máy biến áp 3 pha, dung lượng ≥ 400 KVA, loại trạm phòng.
- Cải tạo mạng trung thế hiện hữu, giai đoạn đầu nâng cấp lên 22KV, dài hạn sẽ được thay thế bằng cáp ngầm.
- Xây dựng mới mạng trung và hạ thế cấp điện cho khu quy hoạch, sử dụng cáp đồng bọc cách điện XLPE, tiết diện dây phù hợp, chôn ngầm trong đất.
- Hệ thống chiếu sáng dùng đèn cao áp sodium 150 - 250W - 220V, có chóa và cần đèn đặt trên trụ thép tráng kẽm.

8.4. Quy hoạch cấp nước đô thị:

- Nguồn cấp nước: nguồn nước máy thành phố dựa vào tuyến ống cấp nước hiện trạng: $\varnothing 600$ trên đường Phan Văn Trị, $\varnothing 300 - \varnothing 400$ trên đường Nguyễn Văn Nghi và các tuyến ống nhánh phân phối nước hiện trạng có trong khu vực thuộc hệ thống nhà máy nước Thủ Đức.
- Tiêu chuẩn cấp nước:
 - + Sinh hoạt : 180 lít/người/ngày.
 - + Công cộng : 40 lít/người/ngày.
 - + Khách vãng lai : 35 lít/người/ngày.
- Tiêu chuẩn cấp nước chữa cháy: 20 lít/s/đám cháy, số đám cháy đồng thời: 2 đám cháy (theo TCVN 2622-1995).

- Tổng nhu cầu dùng nước: 11.350 - 13.615 m³/ngày.

- Mạng lưới cấp nước: Thiết kế mạng lưới cấp nước mới cho khu quy hoạch dựa vào mạng lưới cấp nước phân phối hiện hữu trong khu vực theo mạng lưới đường giao thông và phân khu chức năng của khu xây dựng.

8.5. Quy hoạch thoát nước thải và xử lý chất thải rắn:

8.5.1. Thoát nước thải:

- Giải pháp thoát nước bản: Nước thải trong khu quy hoạch được thu gom vào hệ thống cống thoát nước chung thoát ra sông Bến Cát theo các tuyến cống chính trên đường Nguyễn Oanh, đường Nguyễn Thái Sơn và một số tuyến cống nhánh.

+ Giai đoạn đầu: hệ thống cống bao và nhà máy xử lý chưa hình thành, nước thải vẫn theo hệ thống cống chung thoát ra sông Bến Cát.

+ Giai đoạn dài hạn: tại các miệng xả sẽ lắp đặt giếng tách dòng để tách nước thải đưa vào cống bao chính dọc kênh Tham Lương - Bến Cát đến nhà máy xử lý tập trung tại phường An Phú Đông, quận 12.

- Tiêu chuẩn thoát nước:

+ Sinh hoạt : 180 lít/người/ngày.

+ Công cộng : 40 lít/người/ngày.

+ Khách vãng lai : 35 lít/người/ngày.

- Tổng lượng nước thải: 8.700 - 11.310 m³/ngày.

8.5.2. Xử lý chất thải rắn:

- Tiêu chuẩn rác thải sinh hoạt: 1,2 kg/người/ngày.

- Tổng lượng rác thải sinh hoạt: 36 tấn/ngày.

- Phương án thu gom và xử lý rác: Rác được thu gom mỗi ngày và đưa đến trạm ép rác kín của quận. Sau đó vận chuyển đưa về các khu Liên hiệp xử lý chất thải tập trung của thành phố theo quy hoạch.

8.6. Quy hoạch thông tin liên lạc:

- Nhu cầu điện thoại cố định: 30 - 40 máy/100 dân.

- Định hướng đầu nối từ bưu cục hiện hữu xây dựng các tuyến cáp chính đi dọc các trục đường giao thông đến các tủ cáp chính của khu quy hoạch.

- Mạng lưới Thông tin liên lạc được ngầm hóa đảm bảo mỹ quan khu quy hoạch và đáp ứng nhu cầu thông tin thông suốt trong khu quy hoạch.

- Hệ thống các tủ cáp xây dựng mới được lắp đặt tại các vị trí thuận tiện, đảm bảo mỹ quan và dễ dàng trong công tác vận hành, sửa chữa.

8.7. Bản đồ tổng hợp đường dây đường ống: Việc bố trí, sắp xếp đường dây, đường ống có thể thay đổi trong các bước triển khai thiết kế tiếp theo (thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật thi công của dự án) nhưng phải đảm bảo theo yêu cầu kỹ thuật.

9. Phân kỳ thực hiện; những hạng mục ưu tiên đầu tư:

a) Phân kỳ đầu tư: (thời gian có hiệu lực là 5 năm)

- Năm thứ nhất:

- + Triển khai công bố quy hoạch.
- + Cấm mốc các tuyến giao thông trọng điểm, hành lang an toàn tuyến điện, tuyến đường sắt.
- + Xác định mốc vị trí các công trình công cộng và công viên cây xanh.
- + Vận động các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp trên địa bàn lập kế hoạch di dời.

- Năm thứ hai và ba:

- + Huy động nguồn vốn xây dựng các công trình công cộng và cây xanh, ưu tiên mở rộng, cải tạo và xây dựng các công trình về giáo dục, y tế, văn hoá và thể dục thể thao.
- + Huy động nguồn vốn đầu tư xây dựng các khu phức hợp: nhà ở kết hợp thương mại, dịch vụ.

- Hai năm cuối:

- + Triển khai thi công các dự án đã huy động.

b) Danh mục các dự án đầu tư theo thứ tự ưu tiên:

- Giải tỏa, mở rộng lộ giới các tuyến đường chính trong khu vực như đường Dương Quang Hàm, đường Nguyễn Văn Nghi, đường Phan Văn Trị.
- Trường mầm non: cải tạo mở rộng 2 trường, xây dựng mới 01 trường.
- Trường tiểu học: cải tạo hai cơ sở của tiểu học Trần Quốc Toản, xây dựng trường tiểu học tại vị trí dự án khu C - Xí nghiệp Liên hiệp Z751.
- Trường trung học cơ sở: cải tạo trường trung học cơ sở Gò Vấp 2.
- Nâng cấp và cải tạo các tuyến đường giao thông nội bộ, các tuyến hẻm.
- Xây dựng và hoàn thiện các mạng lưới hạ tầng kỹ thuật.

Điều 2. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp và đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung nghiên cứu và các số liệu đánh giá hiện trạng tính toán chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật thể hiện trong thuyết minh chịu trách nhiệm và hồ sơ bản vẽ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường 7, quận Gò Vấp.

- Để đảm bảo cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật phù hợp với quy mô dân số của đồ án và theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận Gò Vấp; trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện theo quy hoạch, Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cần lưu ý việc kiểm soát và khống chế quy mô dân số trong phạm vi đồ án; theo đó, các dự án phát triển nhà ở cần có giải pháp để ưu tiên bố trí tái định cư tại chỗ.

- Để làm cơ sở quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị, quản lý xây dựng và kiểm soát sự phát triển đô thị phù hợp với quy hoạch; sau khi đồ án này được phê duyệt, Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cần phối hợp Sở Quy hoạch - Kiến trúc để tổ chức lập Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị tổng thể, phù hợp với nội dung đồ án.

- Đối với nội dung bản đồ đánh giá môi trường chiến lược và Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường 7, quận Gò Vấp sẽ được cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị trình thẩm định và phê duyệt bổ sung sau khi Sở Tài nguyên và Môi trường có hướng dẫn triển khai Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ, Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ Xây dựng.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được phê duyệt, Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cần tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 này theo Luật Quy hoạch đô thị và Quyết định số 49/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về công bố công khai và cung cấp thông tin về quy hoạch đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh và tổ chức thực hiện công tác cắm mốc giới theo quy hoạch được duyệt đã được quy định tại Thông tư số 15/2010/TT-BXD ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định về cắm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị.

Điều 3. Quyết định này đính kèm thuyết minh tổng hợp và các bản vẽ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường 7, quận Gò Vấp được nêu tại khoản 4, Điều 1 Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển thành phố, Giám đốc Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình quận Gò Vấp; Thủ trưởng các Sở - Ban - Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 7 và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND.TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- VPUB: Các PVP;
- Các Phòng Chuyên viên;
- Lưu:VT, (ĐTMT-N) An. 44

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín